

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 09 NĂM 2026**

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán EVS xin báo cáo Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 09 năm 2026 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	ALT			ALT
3	AMC			AMC
4	ARM			ARM
5	ATS			ATS
6	BAB			BAB
7	BAX			BAX
8	BBS			BBS
9	BCF			BCF
10	BED			BED
11	BKC			BKC
12	BPC			BPC
13	BTW			BTW
14	BVS			BVS
15	BXH			BXH
16	C69			C69
17	CAG			CAG
18	CAP			CAP
19	CCR			CCR
20	CEO			CEO
21	CIA			CIA
22	CJC			CJC
23	CKV			CKV
24	CLH			CLH
25	CLM			CLM
26	CMS			CMS
27	CPC			CPC
28	CSC			CSC
29	CST			CST
30	CTB			CTB
31	CTP			CTP
32	CTT			CTT
33	D11			D11
34	DAD			DAD
35	DC2			DC2
36	DHT			DHT

37	DIH			DIH
38	DL1			DL1
39	DNC			DNC
40	DNP			DNP
41	DP3			DP3
42	DST			DST
43	DTD			DTD
44	DTG			DTG
45	DTK			DTK
46	DXP			DXP
47	EBS			EBS
48	EID			EID
49	GDW			GDW
50	GIC			GIC
51	GLT			GLT
52	GMX			GMX
53	HAD			HAD
54	HAT			HAT
55	HCC			HCC
56	HDA			HDA
57	HGM			HGM
58	HHC			HHC
59	HJS			HJS
60	HKT			HKT
61	HLC			HLC
62	HLD			HLD
63	HMH			HMH
64	HMR			HMR
65	HTC			HTC
66	HUT			HUT
67	HVT			HVT
68	ICG			ICG
69	IDC			IDC
70	IDV			IDV
71	INC			INC
72	INN			INN
73	IPA			IPA
74	ITQ			ITQ
75	IVS			IVS
76	KHS			KHS
77	KKC			KKC
78	KMT			KMT
79	KSF			KSF
80	KST			KST
81	KSV			KSV
82	KTS			KTS
83	L14			L14
84	L18			L18
85	L40			L40
86	LAS			LAS
87	LBE			LBE
88	LHC			LHC
89	MAC			MAC
90	MBG			MBG
91	MBS			MBS
92	MCC			MCC
93	MCF			MCF
94	MCO			MCO

95	MDC			MDC
96	MEL			MEL
97	MKV			MKV
98	MST			MST
99	MVB			MVB
100	NAG			NAG
101	NAP			NAP
102	NBC			NBC
103	NBW			NBW
104	NDN			NDN
105	NDX			NDX
106	NET			NET
107	NFC			NFC
108	NHC			NHC
109	NSH			NSH
110	NST			NST
111	NTH			NTH
112	NTP			NTP
113	ONE			ONE
114	PBP			PBP
115	PCE			PCE
116	PCH			PCH
117	PCT			PCT
118	PDB			PDB
119	PGS			PGS
120	PHN			PHN
121	PIA			PIA
122	PIC			PIC
123	PJC			PJC
124	PLC			PLC
125	PMB			PMB
126	PMC			PMC
127	PMP			PMP
128	PMS			PMS
129	POT			POT
130	PPP			PPP
131	PPS			PPS
132	PPT			PPT
133	PPY			PPY
134	PRC			PRC
135	PRE			PRE
136	PSC			PSC
137	PSD			PSD
138	PSE			PSE
139	PSI			PSI
140	PSW			PSW
141	PTI			PTI
142	PTS			PTS
143	PTX			PTX
144	PVB			PVB
145	PVC			PVC
146	PVG			PVG
147	PVI			PVI
148	PVS			PVS
149	QHD			QHD
150	QST			QST
151	RCL			RCL
152	S55			S55

153	S99			S99
154	SAF			SAF
155	SCG			SCG
156	SCI			SCI
157	SD5			SD5
158	SD9			SD9
159	SDN			SDN
160	SEB			SEB
161	SED			SED
162	SFN			SFN
163	SGC			SGC
164	SGH			SGH
165	SHE			SHE
166	SHS			SHS
167	SJ1			SJ1
168	SJE			SJE
169	SLS			SLS
170	SMN			SMN
171	STC			STC
172	STP			STP
173	SZB			SZB
174	TA9			TA9
175	TD6			TD6
176	TDT			TDT
177	TET			TET
178	TFC			TFC
179	THB			THB
180	THD			THD
181	THS			THS
182	THT			THT
183	TIG			TIG
184	TJC			TJC
185	TKU			TKU
186	TMB			TMB
187	TMC			TMC
188	TMX			TMX
189	TNG			TNG
190	TOT			TOT
191	TPP			TPP
192	TTC			TTC
193	TTL			TTL
194	TTT			TTT
195	TV3			TV3
196	TV4			TV4
197	TVD			TVD
198	V12			V12
199	V21			V21
200	VBC			VBC
201	VC1			VC1
202	VC3			VC3
203	VC6			VC6
204	VC7			VC7
205	VCC			VCC
206	VCM			VCM
207	VCS			VCS
208	VDL			VDL
209	VFS			VFS
210	VGP			VGP

211	VGS			VGS
212	VHE			VHE
213	VIF			VIF
214	VLA			VLA
215	VMS			VMS
216	VNC			VNC
217	VNF			VNF
218	VNR			VNR
219	VSA			VSA
220	VSM			VSM
221	VTH			VTH
222	VTZ			VTZ
223	WCS			WCS
224	WSS			WSS
225	X20			X20
226	AME	AME		
227	CAR	CAR		
228	CDN	CDN		
229	GMA	GMA		
230	MIC	MIC		
231	SHN	SHN		
232	SVN	SVN		
233	TVC	TVC		
234	VTC	VTC		

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TP.HCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1			GDT	GDT
2			MDG	MDG
3	AAA			AAA
4	AAM			AAM
5	ABR			ABR
6	ABT			ABT
7	ACB			ACB
8	ACC			ACC
9	ACG			ACG
10	ACL			ACL
11	ADG			ADG
12	ADP			ADP
13	ADS			ADS
14	AFX			AFX
15	AGG			AGG
16	AGR			AGR
17	ANT			ANT
18	ANV			ANV
19	ASG			ASG
20	ASM			ASM
21	AST			AST
22	BAF			BAF
23	BCM			BCM
24	BFC			BFC
25	BHN			BHN

26	BIC			BIC
27	BID			BID
28	BKG			BKG
29	BMC			BMC
30	BMP			BMP
31	BRC			BRC
32	BSI			BSI
33	BSR			BSR
34	BTP			BTP
35	BTT			BTT
36	BVH			BVH
37	BWE			BWE
38	C32			C32
39	C47			C47
40	CCC			CCC
41	CCI			CCI
42	CCL			CCL
43	CDC			CDC
44	CHP			CHP
45	CII			CII
46	CKG			CKG
47	CLC			CLC
48	CLL			CLL
49	CLW			CLW
50	CMG			CMG
51	CMV			CMV
52	CNG			CNG
53	COM			COM
54	CRC			CRC
55	CRE			CRE
56	CRV			CRV
57	CSM			CSM
58	CSV			CSV
59	CTD			CTD
60	CTF			CTF
61	CTG			CTG
62	CTI			CTI
63	CTR			CTR
64	CTS			CTS
65	CVT			CVT
66	D2D			D2D
67	DAT			DAT
68	DBC			DBC
69	DBD			DBD
70	DBT			DBT
71	DC4			DC4
72	DCL			DCL
73	DCM			DCM
74	DGW			DGW
75	DHA			DHA
76	DHC			DHC
77	DHG			DHG
78	DHM			DHM
79	DIG			DIG
80	DMC			DMC
81	DPG			DPG
82	DPM			DPM
83	DPR			DPR
84	DRC			DRC

85	DRL			DRL
86	DSC			DSC
87	DSE			DSE
88	DSN			DSN
89	DTT			DTT
90	DVP			DVP
91	DXG			DXG
92	DXS			DXS
93	EIB			EIB
94	ELC			ELC
95	EVE			EVE
96	EVF			EVF
97	EVG			EVG
98	FCM			FCM
99	FCN			FCN
100	FDC			FDC
101	FIR			FIR
102	FIT			FIT
103	FMC			FMC
104	FPT			FPT
105	FRT			FRT
106	FTS			FTS
107	GAS			GAS
108	GEE			GEE
109	GEG			GEG
110	GEL			GEL
111	GEX			GEX
112	GHC			GHC
113	GMD			GMD
114	GMH			GMH
115	GSP			GSP
116	GTA			GTA
117	GVR			GVR
118	HAG			HAG
119	HAH			HAH
120	HAR			HAR
121	HAX			HAX
122	HCD			HCD
123	HCM			HCM
124	HDB			HDB
125	HDC			HDC
126	HDG			HDG
127	HHP			HHP
128	HHS			HHS
129	HHV			HHV
130	HII			HII
131	HMC			HMC
132	HNA			HNA
133	HPA			HPA
134	HPG			HPG
135	HPX			HPX
136	HQC			HQC
137	HRC			HRC
138	HSG			HSG
139	HSL			HSL
140	HTI			HTI
141	HTG			HTG
142	HTI			HTI
143	HTL			HTL

144	HTN			HTN
145	HTV			HTV
146	HU1			HU1
147	HUB			HUB
148	HVH			HVH
149	ICT			ICT
150	IDI			IDI
151	IJC			IJC
152	ILB			ILB
153	IMP			IMP
154	ITC			ITC
155	KBC			KBC
156	KDC			KDC
157	KDH			KDH
158	KHG			KHG
159	KHP			KHP
160	KMR			KMR
161	KOS			KOS
162	KSB			KSB
163	L10			L10
164	LAF			LAF
165	LBM			LBM
166	LCG			LCG
167	LGC			LGC
168	LGL			LGL
169	LHG			LHG
170	LIX			LIX
171	LM8			LM8
172	LPB			LPB
173	LSS			LSS
174	MBB			MBB
175	MCH			MCH
176	MCM			MCM
177	MIG			MIG
178	MSB			MSB
179	MSH			MSH
180	MSN			MSN
181	MWG			MWG
182	NAB			NAB
183	NAF			NAF
184	NAV			NAV
185	NBB			NBB
186	NCT			NCT
187	NHH			NHH
188	NHT			NHT
189	NKG			NKG
190	NLG			NLG
191	NNC			NNC
192	NO1			NO1
193	NSC			NSC
194	NT2			NT2
195	NTC			NTC
196	NTL			NTL
197	NVL			NVL
198	OCB			OCB
199	OPC			OPC
200	ORS			ORS
201	PAC			PAC
202	PAN			PAN

203	PC1			PC1
204	PDN			PDN
205	PDR			PDR
206	PDV			PDV
207	PET			PET
208	PGC			PGC
209	PGD			PGD
210	PGI			PGI
211	PGV			PGV
212	PHC			PHC
213	PHR			PHR
214	PJT			PJT
215	PLX			PLX
216	PNJ			PNJ
217	POW			POW
218	PPC			PPC
219	PTB			PTB
220	PTC			PTC
221	PVD			PVD
222	PVP			PVP
223	PVT			PVT
224	QCG			QCG
225	QNP			QNP
226	RAL			RAL
227	REE			REE
228	RYG			RYG
229	S4A			S4A
230	SAB			SAB
231	SAM			SAM
232	SAV			SAV
233	SBA			SBA
234	SBG			SBG
235	SBT			SBT
236	SC5			SC5
237	SCR			SCR
238	SCS			SCS
239	SFC			SFC
240	SFG			SFG
241	SFI			SFI
242	SGN			SGN
243	SGR			SGR
244	SGT			SGT
245	SHA			SHA
246	SHB			SHB
247	SHI			SHI
248	SHP			SHP
249	SIP			SIP
250	SJD			SJD
251	SJS			SJS
252	SKG			SKG
253	SMB			SMB
254	SMC			SMC
255	SRC			SRC
256	SRF			SRF
257	SSB			SSB
258	SSC			SSC
259	SSI			SSI
260	STB			STB
261	SVC			SVC

262	SVT			SVT
263	SZC			SZC
264	SZL			SZL
265	TAL			TAL
266	TBC			TBC
267	TCB			TCB
268	TCH			TCH
269	TCI			TCI
270	TCL			TCL
271	TCM			TCM
272	TCO			TCO
273	TCT			TCT
274	TCX			TCX
275	TDC			TDC
276	TDG			TDG
277	TDM			TDM
278	TDP			TDP
279	TDW			TDW
280	TEG			TEG
281	THG			THG
282	TIP			TIP
283	TIX			TIX
284	TLD			TLD
285	TLG			TLG
286	TMP			TMP
287	TMS			TMS
288	TN1			TN1
289	TNI			TNI
290	TNT			TNT
291	TPB			TPB
292	TPC			TPC
293	TRA			TRA
294	TRC			TRC
295	TSA			TSA
296	TTA			TTA
297	TTE			TTE
298	TV2			TV2
299	TVB			TVB
300	TVS			TVS
301	TVT			TVT
302	TYA			TYA
303	UIC			UIC
304	VAB			VAB
305	VCB			VCB
306	VCF			VCF
307	VCG			VCG
308	VCI			VCI
309	VCK			VCK
310	VDP			VDP
311	VDS			VDS
312	VFG			VFG
313	VGC			VGC
314	VHC			VHC
315	VHM			VHM
316	VIB			VIB
317	VIC			VIC
318	VIP			VIP
319	VIX			VIX
320	VJC			VJC

321	VND			VND
322	VNL			VNL
323	VNM			VNM
324	VOS			VOS
325	VPB			VPB
326	VPD			VPD
327	VPI			VPI
328	VPL			VPL
329	VPS			VPS
330	VPX			VPX
331	VRC			VRC
332	VRE			VRE
333	VSC			VSC
334	VSH			VSH
335	VSI			VSI
336	VTO			VTO
337	VTP			VTP
338	VVS			VVS
339	YEG			YEG
340	BCE	BCE		
341	GIL	GIL		
342	KLB	KLB		
343	MHC	MHC		
344	PLP	PLP		
345	PNC	PNC		
346	STK	STK		
347	VNG	VNG		
348	VNS	VNS		

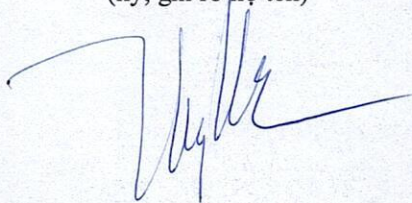
Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:

https://www.eves.com.vn/files/WebFlie/PDF/BCKQ/EVS_BC_Thang_DMChungKhoanGDKQ_Thang09.2026_VNX.pdf

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

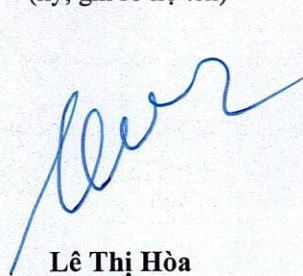
Kính báo cáo Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Người lập
(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Vũ Thùy Linh

Kiểm soát
(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hòa



Phó Giám đốc phụ trách Khối
Dịch vụ Ngân hàng đầu tư
Nguyễn Mậu Hoàng